



TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
MONITORING CENTER



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, phường
Sóc Trăng, TP. Cần Thơ
Add: 18 Hung Vuong street, Soc
Trang Ward, Can Tho City
ĐT/Phone: (0299) 3616638;
3827819

Số/Mã số mẫu 1634/25.09.114	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày trả kết quả 22/09/2025
--------------------------------	-----------------------------------	--------------------------------

-Tên mẫu/Sample

: Nước cấp sinh hoạt đã qua xử lý – Nhà máy cấp nước Khu công
nghiệp An Nghiệp (cụm xử lý nước mặt) – Đầu nguồn
(08h50' – Toạ độ: X=1065753, Y=550843)

-Khách hàng/Client

: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

-Địa chỉ/Address

: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, Phường Sóc Trăng, TP. Cần Thơ

-Ngày nhận mẫu/Date of receiving

: 11/09/2025

-Ngày thực hiện phân tích/Date of execution

: 11/09/2025

-Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method

: Lấy mẫu theo yêu cầu Khách hàng; TCVN 6663-5:2009;
TCVN 8880:2011

-Kết quả thử nghiệm/Test result

:

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	pH	-	TCVN 6492:2011 ⁽¹⁾⁽²⁾⁽³⁾	7,35	6,0 - 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 6184:2008 ^(*)	0,45	2
3.	Màu sắc	Pt/Co	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C) ⁽²⁾⁽³⁾	Không phát hiện (MDL = 2)	15
4.	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 ^(*)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi lạ
5.	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 ⁽¹⁾⁽²⁾⁽³⁾	Không phát hiện (MDL = 0,0004)	0,01
6.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2023 ⁽³⁾	0,989	0,2 – 1,0
7.	Coliforms	VK/100mL	TCVN 6187-1:2019 ⁽²⁾⁽³⁾	0	< 1
8.	E.Coli	VK/100mL	TCVN 6187-1:2019 ⁽²⁾⁽³⁾	0	< 1
9.	Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996 ⁽¹⁾⁽²⁾⁽³⁾	2,36	2
10.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ⁽¹⁾⁽²⁾⁽³⁾	0,274	1

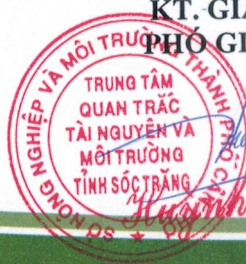
Ghi chú:

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- (3) Chỉ tiêu đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 107/2016 /NĐ-CP. Số đăng ký: 401/TN – TĐC.
- (*) Kết quả chỉ mang tính chất tham khảo
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM

Lê Thúy An

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC





TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
MONITORING CENTER



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, phường
Sóc Trăng, TP. Cần Thơ
Add: 18 Hung Vuong street, Soc
Trang Ward, Can Tho City
ĐT/Phone: (0299) 3616638;
3827819

Số/Mã số mẫu 1635/25.09.115	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày trả kết quả 22/09/2025
--------------------------------	---	--------------------------------

-Tên mẫu/Sample

: Nước cấp sinh hoạt đã qua xử lý – Nhà máy cấp nước Khu công nghiệp An Nghiệp (cụm xử lý nước mặt) – Giữa nguồn (08h45' – Toạ độ: X=1065729, Y=551199)

-Khách hàng/Client

: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

-Địa chỉ/Address

: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, Phường Sóc Trăng, TP. Cần Thơ

-Ngày nhận mẫu/Date of receiving

: 11/09/2025

-Ngày thực hiện phân tích/Date of execution

: 11/09/2025

-Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method

: Lấy mẫu theo yêu cầu Khách hàng; TCVN 6663-5:2009;
TCVN 8880:2011

-Kết quả thử nghiệm/Test result

:

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	pH	-	TCVN 6492:2011 ⁽¹⁾⁽²⁾⁽³⁾	7,40	6,0 - 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 6184:2008 ^(*)	0,51	2
3.	Màu sắc	Pt/Co	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C) ⁽²⁾⁽³⁾	Không phát hiện (MDL = 2)	15
4.	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 ^(*)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi lạ
5.	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 ⁽¹⁾⁽²⁾⁽³⁾	Không phát hiện (MDL = 0,0004)	0,01
6.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2023 ⁽³⁾	0,967	0,2 – 1,0
7.	Coliforms	VK/100mL	TCVN 6187-1:2019 ⁽²⁾⁽³⁾	0	< 1
8.	E.Coli	VK/100mL	TCVN 6187-1:2019 ⁽²⁾⁽³⁾	0	< 1
9.	Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996 ⁽¹⁾⁽²⁾⁽³⁾	2,46	2
10.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ⁽¹⁾⁽²⁾⁽³⁾	0,295	1

Ghi chú:

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- (3) Chỉ tiêu đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 107/2016 /NĐ-CP. Số đăng ký: 401/TN – TĐC.
- (*) Kết quả chỉ mang tính chất tham khảo
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM

Lê Thúy An

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC





TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
MONITORING CENTER



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, phường
Sóc Trăng, TP. Cần Thơ
Add: 18 Hung Vuong street, Soc
Trang Ward, Can Tho City
ĐT/Phone: (0299) 3616638;
3827819

Số/Mã số mẫu 1636/25.09.116	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày trả kết quả 22/09/2025
--------------------------------	-----------------------------------	--------------------------------

-Tên mẫu/Sample : Nước cấp sinh hoạt đã qua xử lý – Nhà máy cấp nước Khu công
nghiệp An Nghiệp (cụm xử lý nước mặt) – Cuối nguồn
(09h00' – Toạ độ: X=1066711, Y=553267)
-Khách hàng/Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
-Địa chỉ/Address : Số 16, Nguyễn Chí Thanh, Phường Sóc Trăng, TP. Cần Thơ
-Ngày nhận mẫu/Date of receiving : 11/09/2025
-Ngày thực hiện phân tích/Date of execution : 11/09/2025
-Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method : Lấy mẫu theo yêu cầu Khách hàng; TCVN 6663-5:2009;
TCVN 8880:2011
-Kết quả thử nghiệm/Test result :

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result	QCVN 01-1:2024/BYT
1.	pH	-	TCVN 6492:2011 ⁽¹⁾⁽²⁾⁽³⁾	7,35	6,0 - 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 6184:2008 ^(*)	0,53	2
3.	Màu sắc	Pt/Co	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C) ⁽²⁾⁽³⁾	Không phát hiện (MDL = 2)	15
4.	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 ^(*)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi lạ
5.	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 ⁽¹⁾⁽²⁾⁽³⁾	Không phát hiện (MDL = 0,0004)	0,01
6.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2023 ⁽³⁾	0,936	0,2 – 1,0
7.	Coliforms	VK/100mL	TCVN 6187-1:2019 ⁽²⁾⁽³⁾	0	< 1
8.	E.Coli	VK/100mL	TCVN 6187-1:2019 ⁽²⁾⁽³⁾	0	< 1
9.	Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996 ⁽¹⁾⁽²⁾⁽³⁾	2,27	2
10.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ⁽¹⁾⁽²⁾⁽³⁾	0,306	1

Ghi chú:

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- (3) Chỉ tiêu đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP. Số đăng ký: 401/TN – TĐC.
- (*) Kết quả chỉ mang tính chất tham khảo
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM

Lê Thủy An

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

